

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/2023/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 11 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý Nhà nước đối với công tác
thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành
chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi
phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của
Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm
hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của
Chính phủ quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của
Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định
19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý
kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý
vi phạm hành chính;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 115/TTr-STP ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Văn bản số 1486/STP-TTr ngày 25 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2023 và thay thế Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế kèm theo Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2015 về việc ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Ngọc Tuấn**

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật
về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Kon Tum**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 50/2023/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Các nội dung khác không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Hoạt động phối hợp phải đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, trên cơ sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, địa phương và quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Đảm bảo sự chủ động của cơ quan chủ trì; sự phối hợp thường xuyên, kịp thời của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ trong quản lý nhà nước về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và không làm ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan; tập trung, thống nhất, không chồng chéo với các hoạt động thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan Nhà nước đã được pháp luật quy định.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Tổ chức triển khai, xây dựng, hoàn thiện pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
2. Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính.
3. Tham gia giải quyết, xử lý đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc trường hợp giải trình, có nhiều tình tiết phức tạp, phạm vi rộng thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.
4. Kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
5. Phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
6. Xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh.
7. Thống kê về xử lý vi phạm hành chính.
8. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Tổ chức, tham gia họp liên ngành; hội nghị sơ kết, tổng kết công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
3. Thành lập, tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
4. Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 5. Tổ chức triển khai, xây dựng, hoàn thiện pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:
 - a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

b) Nghiên cứu, rà soát, xây dựng và hoàn thiện các chính sách, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

c) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

d) Tiếp nhận những kiến nghị, phản ánh của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan báo chí, các tổ chức, cá nhân về những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành có liên quan xử lý theo thẩm quyền.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý.

b) Rà soát, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý.

c) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính không phù hợp với thực tiễn, không khả thi hoặc mâu thuẫn, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Tư pháp tổng hợp, tham mưu*).

Điều 6. Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đến cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

b) Nghiên cứu, biên soạn tài liệu phục vụ công tác phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

c) Tổ chức phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác xử lý vi phạm hành chính.

d) Hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan được tổ chức theo ngành

đọc đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện việc phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thường xuyên phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; định kỳ hàng năm tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Điều 7. Tham gia giải quyết, xử lý đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc trường hợp giải trình, có nhiều tình tiết phức tạp, phạm vi rộng thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trách nhiệm của người được giao giải quyết vụ việc vi phạm hành chính:

a) Người được giao giải quyết vụ việc vi phạm hành chính chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan giải quyết, xử lý theo thẩm quyền được quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Kịp thời gửi hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính (gồm: Biên bản vi phạm hành chính, Văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính, dự thảo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các tài liệu có liên quan bằng bản giấy và bản điện tử) đến người có thẩm quyền xử phạt.

c) Việc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính, được sửa đổi bởi khoản 34 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của cá nhân, tổ chức bị xử phạt theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan. Thông báo kết quả thi hành xong quyết định cho cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp, cơ quan Tư pháp địa phương.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Phối hợp với cơ quan có liên quan giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức thực hiện việc giải trình (nếu thuộc trường hợp giải trình) theo quy

định tại Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính, được sửa đổi bởi khoản 30 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngay sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của cơ quan quản lý người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc theo quy định tại Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính, được sửa đổi bởi khoản 34 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

c) Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Điều 8. Kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; triển khai, tổ chức kiểm tra liên ngành việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Phối hợp với đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh trong quá trình kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý.

b) Xem xét, xử lý các kiến nghị của đoàn kiểm tra và gửi kết quả đến Sở Tư pháp theo quy định.

3. Trình tự, thủ tục kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ và Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

Điều 9. Phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thanh tra khi có phản ánh, kiến

ngiht của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

2. Trình tự, thủ tục phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương là đối tượng thanh tra có trách nhiệm chấp hành, thực hiện quyết định thanh tra của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh và tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính tại Bộ Tư pháp.

b) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cách thức cung cấp, cập nhật thông tin, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã; kịp thời trao đổi và hướng dẫn cách khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu này khi có đề nghị.

2. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp, tiếp nhận và cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh theo đúng quy định; bảo đảm các thông tin được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh đầy đủ, chính xác, kịp thời. Việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh thực hiện theo quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 11. Thống kê về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành Trung ương.

2. Thông tin thống kê về xử lý vi phạm hành chính được thu thập theo quy định của pháp luật về thống kê.

Điều 12. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính bao gồm: báo cáo về tình hình xử phạt vi phạm hành chính và báo cáo về tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, được thực hiện định kỳ hằng năm; báo cáo kết quả công tác phòng, chống vi phạm pháp luật hành chính được thực hiện phục vụ kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Nội dung báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hàng năm được thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 5 Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

3. Thời hạn báo cáo và trách nhiệm thực hiện:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình đến Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 05 tháng 12 hàng năm; báo cáo kết quả công tác phòng, chống vi phạm pháp luật hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình đến Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 05 tháng 5 năm đối với báo cáo định kỳ phục vụ kỳ họp giữa năm và trước ngày 05 tháng 11 đối với báo cáo định kỳ phục vụ kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình về Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 12 hàng năm; báo cáo kết quả công tác phòng, chống vi phạm pháp luật hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình gửi về Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 5 đối với báo cáo định kỳ phục vụ kỳ họp giữa năm và trước ngày 10 tháng 11 đối với báo cáo định kỳ phục vụ kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Sở Tư pháp chủ trì, tổng hợp báo cáo tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên

địa bàn tỉnh trước ngày 20 tháng 12 hàng năm; báo cáo kết quả công tác phòng, chống vi phạm pháp luật hành chính gửi Công an tỉnh trước ngày 14 tháng 5 phục vụ kỳ họp giữa năm và trước ngày 14 tháng 11 phục vụ kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền. Yêu cầu đối với việc ban hành chế độ báo cáo đột xuất và chuyên đề thực hiện theo Điều 9, Điều 10 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Việc lập dự toán, quản lý, thanh toán và quyết toán kinh phí được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và Quy chế này. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá về công tác phối hợp; là cơ quan đầu mối tiếp nhận việc thống kê theo quy định để đánh giá tình hình, dự báo xu hướng vi phạm pháp luật hành chính, đề xuất giải pháp khắc phục, hoàn thiện chính sách, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan tại cơ quan, đơn vị và địa phương mình quản lý.

Điều 15. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, trường hợp có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.
